

NGOẠI NGỮ VỚI BAN NGỮ

KỸ THUẬT LÀM VIỆC NHÓM “CÁC MẢNH GHÉP” TRONG HỌC PHẦN NGỮ NGHĨA HỌC: PHÂN TÍCH LỢI ÍCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC TỔ CHỨC CỦA GIẢNG VIÊN LÊ THỊ PHƯƠNG CHI*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu việc áp dụng kỹ thuật làm việc nhóm "Các mảnh ghép" trong học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, nhằm đánh giá lợi ích đối với người học và các chiến lược tổ chức của giảng viên. Nghiên cứu được thực hiện với 80 sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh, sử dụng bảng câu hỏi điều tra định lượng và phỏng vấn định tính. Kết quả cho thấy kỹ thuật làm việc nhóm "Các mảnh ghép" mang lại nhiều lợi ích đáng kể: nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc tìm hiểu nội dung bài học, tăng cường sự tham gia của cá nhân và hỗ trợ nắm bắt bài học sâu sắc. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số tồn tại, đặc biệt trong việc chia sẻ, giúp đỡ, hướng dẫn và kiểm tra kiến thức lẫn nhau của sinh viên. Các vấn đề này có thể liên quan đến rào cản văn hóa, ngôn ngữ hay hiện tượng ỷ lại xã hội trong bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam. Về các chiến lược tổ chức, sinh viên mong muốn giảng viên đóng vai trò hỗ trợ, quan sát và hướng dẫn, thay vì tham gia trực tiếp vào thảo luận. Các đề xuất thực tiễn bao gồm việc phân nhóm hợp lý, đánh số thành viên rõ ràng, cân nhắc năng lực ngôn ngữ và phổ biến kỹ lưỡng cách thức tổ chức.

TỪ KHÓA: kỹ thuật làm việc nhóm; “Các mảnh ghép”; Ngữ nghĩa học; lợi ích; chiến lược tổ chức.

NHẬN BÀI: 30/07/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/12/2025

1. Mở đầu

Giáo dục hướng đến mục tiêu trang bị cho người học kỹ năng chủ động tìm kiếm thông tin, đánh giá kiến thức và bồi dưỡng năng lực học tập suốt đời. Điều này càng trở nên ý nghĩa trong kỷ nguyên số khi người học có cơ hội tiếp cận với lượng thông tin vô cùng lớn nhưng chưa được chọn lọc. Trong dòng chảy của thời đại, việc dạy học ngoại ngữ cũng cần chú trọng thay đổi phương pháp dạy học, đặc biệt phát huy phương pháp học chủ động, sáng tạo, lấy người học làm trung tâm. Học phần Ngữ nghĩa học là một trong các học phần chứa đựng nhiều khái niệm lý thuyết về ngôn ngữ đòi hỏi người học cần phát huy tính tích cực, chủ động tìm tòi, vận dụng sáng tạo để giải quyết vấn đề đặt ra. Không những thế, vai trò của người thầy cũng cần có sự chuyển dịch đáng kể từ vai trò của người giảng sang các nhiệm vụ đa dạng như hỗ trợ, hướng dẫn, chỉ đạo, huấn luyện, giúp đỡ, khơi nguồn cảm hứng,...

Để tối ưu hiệu quả việc dạy học và phát huy tính chủ động của sinh viên Khoa tiếng Anh trong học phần Ngữ nghĩa học, kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép” đã được vận dụng trong quá trình giảng dạy học phần này. Đây là một hình thức học tập cộng tác tích cực, kết hợp quá trình làm việc của mỗi cá nhân, mỗi nhóm và sự liên kết giữa các nhóm để đạt được mục tiêu chung. Kỹ thuật này tạo điều kiện để người học trao đổi, thảo luận, học hỏi, rèn luyện lẫn nhau, hỗ trợ cải thiện năng lực lĩnh hội kiến thức, rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, củng cố sự tự tin và phát triển kỹ năng giao tiếp. Chính những lợi ích mà phương pháp “Các mảnh ghép” mang lại đã hỗ trợ người học kiến tạo tri thức bởi tri thức không đơn thuần là các thông tin biệt lập mà được hình thành từ việc người học tiếp nhận kiến thức, tích cực tham gia xử lý, phân tích và tìm cách giải quyết vấn đề.

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Email: ltpchi@hueuni.edu.vn

Nhằm tìm hiểu về lợi ích mà kỹ thuật “Các mảnh ghép” cũng như chiến lược tổ chức mà giảng viên đã thực hiện, nghiên cứu về việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép” trong học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã được thực hiện.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm về kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép”

Năm 1971, kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép” lần đầu tiên được giới thiệu bởi Aronson, một nhà tâm lý xã hội người Mỹ. Kỹ thuật này đã được áp dụng cho các sinh viên da màu và da trắng tại Đại học Austin, Texas, nơi thường xảy ra một số xung đột và khủng hoảng giữa các màu da. Ông đã lập kế hoạch học tập cộng tác trong đó tất cả sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ có sự kết hợp về màu da để làm việc với một số bài học cụ thể. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên được giao, các sinh viên này được xếp theo nhóm mới có tên gọi là nhóm “Các mảnh ghép”. Các thành viên trong nhóm mới này đến từ các nhóm được phân công ban đầu; mỗi thành viên phải trình bày nội dung đã được phân công trước để hoàn thành nhiệm vụ mới. Thông qua kỹ thuật “Các mảnh ghép”, người học phải thiết lập mối quan hệ hòa thuận với nhau để thực hiện nhiệm vụ được phân công. Dần dần, các sinh viên học và giao tiếp cùng nhau, góp phần đáng kể ngăn ngừa tình trạng bạo lực học đường.

Theo Richards và các cộng sự, kỹ thuật làm nhóm “Các mảnh ghép” là một hình thức học tập cộng tác trong đó mỗi thành viên trong nhóm có một phần thông tin cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm (1992). Kỹ thuật này cung cấp cho người học cơ hội tương tác trực tiếp, trao đổi bằng lời, tranh luận với nhau và xây dựng kỹ năng làm việc nhóm (Evcim và İpek, 2013). Thông qua đó, sinh viên được khuyến khích lắng nghe, hợp tác và trao đổi suy nghĩ với nhau.

Có thể nói, kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép” là kỹ thuật dạy học mang tính cộng tác, kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ chung, khuyến khích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác. Đây là hoạt động dạy học buộc người học phải làm việc với các thành viên khác trong lớp để đạt được hiệu suất công việc. Với kỹ thuật trên, mỗi sinh viên giữ một phần quan trọng của bài học tổng thể. Vì vậy mỗi thành viên đều nắm giữ một phần nội dung bài học hữu ích ngang nhau và từ đó họ nhận được sự tôn trọng như nhau khi cùng hợp tác học tập.

2.2. Quy trình tổ chức nhóm “Các mảnh ghép”

Quy trình tổ chức kỹ thuật “Các mảnh ghép” được nhiều học giả nghiên cứu và phát triển. Theo quan điểm của Aronson (2008), quy trình này gồm 10 bước chia thành bốn giai đoạn. Đây là mô hình tập trung vào các hoạt động cốt lõi: tổ chức Nhóm mảnh ghép, thảo luận tại Nhóm chuyên gia, tái nhập nhóm để truyền đạt nội dung, và đánh giá, củng cố cuối cùng. Trong khi đó, Tewksbury (1995) đề xuất một quy trình mở rộng hơn với 13 bước được chia thành năm giai đoạn, bao gồm cả giai đoạn chuẩn bị trước buổi học và đặc biệt là giai đoạn đánh giá toàn diện sau khi kết thúc hoạt động nhóm.

Có thể nhận thấy điểm chung trong kỹ thuật “Các mảnh ghép” của cả hai tác giả đó là sinh viên trải qua 2 lần làm việc theo 2 nhóm khác nhau. Mục tiêu của việc làm nhóm lần thứ nhất là cá nhân sinh viên tìm hiểu về nhiệm vụ được phân công và giải thích cho các thành viên khác trong nhóm hiểu. Trong khi đó, việc làm nhóm lần thứ 2 hướng đến mục tiêu truyền đạt các nội dung đã thảo luận đến với những thành viên trong nhóm tiếp theo. Tuy nhiên, có một số khác biệt trong kỹ thuật “Các mảnh ghép” giữa hai tác giả nêu trên. Thứ nhất, về quy mô nhóm, tác giả thứ nhất đề xuất các nhóm “Các mảnh ghép” với quy mô 5-6 sinh viên, trong khi tác giả thứ hai đề xuất các nhóm nhỏ hơn gồm 3-5 sinh viên. Thứ hai, về khả năng lãnh đạo, tác giả thứ nhất nhấn mạnh lựa chọn người nhóm trưởng trong các nhóm “Các mảnh ghép”, trong khi tác giả thứ hai không đề cập rõ ràng đến vai trò người lãnh đạo. Thứ ba, về nhiệm vụ, tác giả thứ nhất chia bài học thành các phần với các chủ đề cụ thể, trong khi tác giả thứ hai giao nhiệm vụ hoặc bài tập riêng biệt mà không xác định rõ chủ đề. Thứ tư, về các hình thức đánh giá, tác giả đầu tiên kết thúc buổi học bằng một câu hỏi đồ, trong khi tác giả thứ hai kết hợp các bài tập theo hình thức viết và đánh giá sinh viên trong quá trình làm việc nhóm. Ngoài ra, tác giả thứ hai chú trọng đến giai đoạn kết thúc của quá trình làm nhóm thông qua các hoạt

động giáo viên yêu cầu các nhóm nhận xét, đánh giá lẫn nhau, đồng thời khái quát quá trình thực hiện và tóm tắt các điểm quan trọng trong quá trình làm việc nhóm “Các mảnh ghép”.

Sự khác biệt cốt lõi nằm ở việc Tewksbury (1995) lưu ý đến các hoạt động chuẩn bị và hoạt động kết thúc quá trình làm nhóm. Quá trình chuẩn bị được phân công cho sinh viên thực hiện từ trước để nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp. Khi kết thúc, giáo viên tổ chức các hoạt động đánh giá cá nhân và nhóm, nêu các vấn đề cần chú ý trong quá trình làm nhóm. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội để khái quát lại bài học và chốt lại các nội dung quan trọng nhất trước khi kết thúc.

Có thể thấy rằng, việc lựa chọn thực hiện hay bỏ qua bước nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô lớp học, chủ đề bài học, mục tiêu bài học, phương pháp đánh giá, thời lượng học... Trong nghiên cứu này, tác giả đề xuất các bước thực hiện kỹ thuật theo hai giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Nhóm chuyên gia

- Lớp học sẽ được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau (Ví dụ: Nhóm 1 phụ trách nhiệm vụ A; Nhóm 2 phụ trách nhiệm vụ B; Nhóm 3 phụ trách nhiệm vụ C).

- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, nghiên cứu về vấn đề được giao và ghi lại ý kiến của mình.

- Sau thời gian làm việc độc lập, sinh viên cùng thảo luận nhóm về nhiệm vụ được giao.

- Quá trình thảo luận nhóm được điều hành bởi nhóm trưởng, bảo đảm mỗi thành viên trong từng nhóm đều thực hiện nhiệm vụ, trở thành chuyên gia và có khả năng trình bày lại vấn đề ở giai đoạn 2.

Giai đoạn 2: Nhóm các mảnh ghép

- Giáo viên hình thành nhóm mới (bao gồm 1-2 người từ nhóm 1; 1-2 từ nhóm 2; 1-2 người từ nhóm 3...), gọi là nhóm các mảnh ghép.

- Các vấn đề đã được nghiên cứu tại giai đoạn 1 được các thành viên trong nhóm các mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau. Khi mọi thành viên trong nhóm này đều nắm bắt được nội dung thảo luận ở giai đoạn 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết dựa trên kiến thức thu được.

- Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả.

- Kết thúc giai đoạn này, giáo viên yêu cầu học sinh đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm về quá trình làm nhóm.

2.3. Lợi ích của kỹ thuật “Các mảnh ghép”

Aronson (2008) đưa ra một số lợi ích của kỹ thuật “Các mảnh ghép”. Đầu tiên, kỹ thuật này phát huy tính độc lập của người học trong học tập thông qua việc tạo cơ hội để người học tự nghiên cứu về nội dung bài học. Kỹ thuật này khuyến khích sự tham gia của người học bằng cách giao cho mỗi cá nhân một nhiệm vụ quan trọng tương đương nhau. Mỗi thành viên chủ động tìm hiểu bài học được phân công, hợp tác, phối hợp với các thành viên khác để đạt được mục tiêu chung của nhóm. Với đặc điểm đã nêu, kỹ thuật “Các mảnh ghép” làm tăng tương tác giữa các sinh viên trong lớp học, nâng cao sự hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn lẫn nhau. Bên cạnh đó, kỹ thuật “Các mảnh ghép” giúp cải thiện các kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành ngôn ngữ và tạo cơ hội để người học tìm tòi và nắm bắt kiến thức. Lin (2010) đã tiến hành nghiên cứu hiệu quả của kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong các lớp học tiếng Anh. Đối tượng nghiên cứu là giáo viên và sinh viên năm thứ nhất tại Đài Loan. Kết quả nghiên cứu thu thập từ phía giáo viên và sinh viên đều khẳng định kỹ thuật “Các mảnh ghép” góp phần đáng kể vào hiệu quả học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. Sinh viên cho rằng kỹ thuật trên làm tăng cường cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ. Về phía người dạy, giảng viên bày tỏ mong muốn tiếp tục sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” vào các lớp học phần khác nhau. Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi Mengduo và Xiaoling (2010) đã khẳng định rằng kỹ thuật “Các mảnh ghép” thúc đẩy sự tham gia của sinh viên trong quá trình học ngoại ngữ. Sinh viên có xu hướng tham gia các hoạt động học tích cực và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, nó còn hỗ trợ người học nắm bắt bài học sâu sắc khi vừa kết hợp quá trình tự tư duy và tương tác với bạn bè (Hoerunnisa & Suherdi, 2017).

2.4. Các nghiên cứu trước đó

Kỹ thuật “Các mảnh ghép” đã được nghiên cứu trong nhiều bối cảnh giảng dạy khác nhau, đặc biệt là trong giảng dạy thực hành kỹ năng ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu hầu hết đã thể hiện tác động tích cực của “Các mảnh ghép” đối với quá trình giảng dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, các nghiên cứu về kỹ thuật này trong bối cảnh cụ thể như lớp học phần Ngữ nghĩa học chưa có thông tin đầy đủ. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về vai trò, chiến lược của giảng viên trong quá trình tổ chức vẫn còn nhiều hạn chế. Do đó, nghiên cứu này hướng đến mục tiêu tìm hiểu về lợi ích mà phương pháp “Các mảnh ghép” mang lại cho sinh viên các lớp học học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cũng như vai trò giảng viên trong quá trình tổ chức kỹ thuật “Các mảnh ghép”.

Nghiên cứu này hướng đến trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (a) Kỹ thuật làm việc nhóm “Các mảnh ghép” mang lại những lợi ích nào cho sinh viên lớp học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế?; (b) Giảng viên đã vận dụng những chiến lược nào để tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm “Các mảnh ghép” trong học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế?

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 80 sinh viên chuyên ngữ, ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đang theo học học phần Ngữ nghĩa học. Ngoài ra, để gia tăng tính giá trị và độ tin cậy của nghiên cứu, 5 sinh viên đã được mời tham gia trả lời câu hỏi phỏng vấn.

3.2. Phương pháp thu thập số liệu nghiên cứu

Để tìm được câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra, nhà nghiên cứu tiến hành kỹ thuật “Các mảnh ghép” vào trong các nhóm học phần Ngữ nghĩa học được giao phụ trách giảng dạy. Nhà nghiên cứu tiến hành thiết kế công cụ thu thập số liệu nghiên cứu gồm Bảng câu hỏi điều tra và Bảng câu hỏi phỏng vấn để thu thập được dữ liệu định lượng và định tính.

Với Bảng câu hỏi điều tra, ở phần mở đầu, nhà nghiên cứu mô tả kỹ thuật “Các mảnh ghép”. Sau phần giải thích khái niệm, các câu hỏi tập trung điều tra về lợi ích mà kỹ thuật “Các mảnh ghép” và chiến lược tổ chức trong lớp Ngữ nghĩa học. Bảng câu hỏi điều tra gồm 8 câu hỏi, trong đó từ câu số 1 đến câu số 6 là các câu hỏi về lợi ích của kỹ thuật này. Người tham gia phản hồi dựa trên 5 mức từ mức 1 đến mức 5 tương đương với “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”. Các câu hỏi còn lại, số 7 và 8 điều tra về chiến lược mà giảng viên đã sử dụng để tổ chức kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong lớp học Ngữ nghĩa học.

Năm sinh viên được chọn để trả lời câu hỏi phỏng vấn nhằm cung cấp thêm dữ liệu định tính. Bảng câu hỏi phỏng vấn gồm 02 câu hỏi tập trung khai thác các chiến lược mà giảng viên sử dụng khi tổ chức làm nhóm “Các mảnh ghép” và kiến nghị, đề xuất của sinh viên để việc tổ chức “Các mảnh ghép” được hiệu quả hơn.

3.3. Phân tích số liệu

Dữ liệu định lượng thu thập từ các bảng câu hỏi điều tra được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả. Dữ liệu định tính từ các cuộc phỏng vấn đã được ghi chép và sử dụng để hỗ trợ phân tích dữ liệu định lượng được sâu sắc hơn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Lợi ích của việc sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong học phần Ngữ nghĩa học

Để điều tra về lợi ích của việc sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, nhóm nghiên cứu đã sử dụng 6 câu hỏi để tìm hiểu. Nội dung các câu hỏi tập trung khám phá những lợi ích mà kỹ thuật “Các mảnh ghép” mang lại cho sinh viên trong học phần Ngữ nghĩa học như nâng cao trách nhiệm bản thân trong việc tìm hiểu nội dung bài học để thực hiện nhiệm vụ được giao (Câu hỏi 1); tăng cường sự tham gia của bản thân trong quá trình học (Câu hỏi 2); nâng cao sự chia sẻ, giúp đỡ, hướng dẫn giữa các thành viên trong nhóm (Câu hỏi 3); gia tăng cơ hội kiểm tra lẫn nhau về các mảng kiến thức được trình bày (Câu hỏi 4); nâng cao

sự tự tin trình bày về phần kiến thức đã được thảo luận trong nhóm trước đó (Câu hỏi 5); nắm bắt bài học sâu sắc (Câu hỏi 6).

Bảng 4.1. Lợi ích của việc sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong lớp Ngữ nghĩa học

Lợi ích	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Câu hỏi 1	1	2	6	24	47
Câu hỏi 2	0	2	8	25	45
Câu hỏi 3	0	2	20	28	30
Câu hỏi 4	1	2	15	35	27
Câu hỏi 5	0	1	14	29	36
Câu hỏi 6	0	1	7	38	34

Dữ liệu thu thập được qua 6 câu hỏi về lợi ích của kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong học phần Ngữ nghĩa học đều rất khả quan, nhận được sự đồng thuận ở các mức cao (đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Cụ thể, khi được hỏi về vai trò của kỹ thuật này trong việc nâng cao trách nhiệm bản thân trong việc tìm hiểu nội dung bài học để thực hiện nhiệm vụ được giao (câu hỏi 1), đa số sinh viên đều đồng ý rằng trong quá trình hợp tác theo nhóm “Các mảnh ghép”, mỗi cá nhân có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong việc chủ động tìm tòi nội dung được phân công với kết quả 71/80 sinh viên nhất trí. Về sự tham gia của bản thân trong quá trình học (câu hỏi 2), số liệu thu thập thể hiện sự nhất trí cao trong việc tăng cường sự đóng góp của mỗi cá nhân để hoàn thành công việc (70/80). Một lợi ích khác mà kỹ thuật này mang lại cho lớp học phần Ngữ nghĩa học đó là sinh viên biết chia sẻ, giúp đỡ, hướng dẫn các thành viên khác nhiều hơn (Câu hỏi 3), mức độ tán thành là 58/80. Điều này chứng tỏ kỹ thuật này giúp tạo ra môi trường học Ngữ nghĩa học tích cực, gia tăng sự chủ động tìm tòi, tương tác, hỗ trợ giữa các thành viên. Dữ liệu thu được từ câu hỏi 4 cho thấy có 62/80 người tham gia đồng ý rằng kỹ thuật “Các mảnh ghép” gia tăng cơ hội để sinh viên kiểm tra lẫn nhau về kiến thức. Đây là điều kiện thuận lợi để các thành viên đánh giá kiến thức cũng như hiệu quả việc làm nhóm của các thành viên khác; từ đó mỗi sinh viên sẽ tự nỗ lực nâng cao kiến thức và xây dựng thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc trước đó. Câu hỏi thứ 5 tập trung tìm hiểu tác động tích cực của “Các mảnh ghép” trong việc làm gia tăng sự tự tin trình bày các vấn đề trong học tập (với 65/80 thành viên nhất trí). Câu hỏi cuối cùng khảo sát về hiệu quả nắm bắt bài học Ngữ nghĩa học khi sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép”, kết quả thu được là minh chứng mạnh mẽ khẳng định việc áp dụng kỹ thuật làm việc nhóm này mang lại hiệu quả cao trong việc tiếp thu nội dung bài học của sinh viên (72/80).

4.2. Chiến lược tổ chức làm việc nhóm sử dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong lớp Ngữ nghĩa học

Vấn đề này liên quan đến câu hỏi số 7 và 8 trong bảng hỏi, trong đó sinh viên phải cung cấp một số thông tin về một số chiến lược tổ chức kỹ thuật “Các mảnh ghép” và một số hoạt động củng cố kiến thức mà giảng viên đưa ra sau khi triển khai kỹ thuật này. Ở các câu hỏi này, nhà nghiên cứu đưa ra một số gợi ý sẵn có để sinh viên có thể chọn nhiều câu trả lời. Ngoài ra, nhà nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sinh viên để tìm hiểu về các chiến lược tổ chức cũng như đề xuất nâng cao hiệu quả kỹ thuật này.

Bảng 4.2.1. Chiến lược tổ chức làm việc nhóm “Các mảnh ghép” của giảng viên

Chiến lược	Số lượng sinh viên
Hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận	58/80
Nhận xét, góp ý cho hoạt động làm nhóm của sinh viên	51/80
Hướng dẫn cụ thể trước khi triển khai hoạt động nhóm	49/80
Tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm cùng với sinh viên	25/80

Quan sát Bảng 4.2.1, có thể nhận thấy rằng hoạt động “Giảng viên hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận” được lựa chọn nhiều nhất (58 lượt chọn) cho thấy sinh viên đánh giá cao sự hỗ trợ của

giảng viên trong quá trình thảo luận; tiếp theo là "Giảng viên nhận xét, góp ý cho hoạt động làm nhóm" với 51 lượt chọn; xếp thứ ba là "Hướng dẫn sinh viên cụ thể trước khi triển khai" với 49 người đồng ý. Cuối cùng là "Tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm cùng với sinh viên" với giá trị thấp nhất (25). Dữ liệu phỏng vấn sinh viên cũng hỗ trợ cho kết quả định lượng thu được. Sinh viên A nhận định rằng giảng viên là người hỗ trợ, luôn sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong quá trình thảo luận để sinh viên nắm bắt được kiến thức nhanh chóng. Sinh viên C cũng đồng tình rằng giảng viên có cung cấp các gợi ý cũng như giải thích thêm về các từ khóa trong nội dung kiến thức bài ngữ nghĩa học để các em có thể hiểu bài dễ dàng hơn.

Bên cạnh các hành động hữu ích mà giảng viên đã thực hiện và nhận được sự nhất trí cao từ phía người học, một số hoạt động củng cố bài học vào cuối tiết học cũng được sinh viên bày tỏ hứng thú theo từng mức độ:

Bảng 4.2.2. Các hoạt động củng cố bài học sau khi áp dụng kỹ thuật "Các mảnh ghép"

Hoạt động củng cố bài học	Số lượng sinh viên
Yêu cầu sinh viên trả lời câu đố, câu hỏi nhỏ để kiểm tra kiến thức	54/80
Yêu cầu sinh viên tóm tắt lại những nội dung đã tìm hiểu	56/80
Yêu cầu sinh viên làm bài kiểm tra viết về nội dung đã học	23/80
Yêu cầu sinh viên ngồi lại và đặt câu hỏi để giáo viên giải đáp các vấn đề còn thắc mắc	59/80
Yêu cầu sinh viên làm sơ đồ tư duy	50/80

Có thể thấy trong Bảng 4.2.2 rất nhiều sinh viên bày tỏ sự tán thành với hoạt động đặt câu hỏi để giảng viên giải đáp thắc mắc (59 lượt chọn). Tiếp theo đó, 56 sinh viên bày tỏ sự hứng thú với hoạt động tóm tắt lại nội dung đã tìm hiểu; 54 sinh viên đề cập đến việc trả lời các câu đố, câu hỏi nhỏ để củng cố bài học Ngữ nghĩa học; 50 người học ủng hộ hoạt động làm sơ đồ tư duy. Chỉ có 23 sinh viên thừa nhận có hứng thú với việc làm bài kiểm tra. Liên quan đến vấn đề nêu trên, khi được phỏng vấn, sinh viên C cho rằng lớp Ngữ nghĩa học tiếng Anh sẽ vui tươi, lôi cuốn và có tính cạnh tranh hơn nếu giảng viên chia lớp thành 2 đội để chơi một trò chơi về nội dung đã thảo luận. Một ý tưởng khác của Sinh viên D là tổ chức hoạt động đóng kịch dựa vào chủ điểm bài học ngữ nghĩa học cụ thể, giúp sinh viên ghi nhớ bài học một cách chủ động và sáng tạo. Sinh viên B còn đề xuất liên quan đến kinh nghiệm tổ chức hoạt động nhóm "Các mảnh ghép" của giảng viên như cần phân nhóm nhỏ để dễ quản lý, đánh số thành viên rõ ràng, cân nhắc năng lực ngôn ngữ của các thành viên trong nhóm và dành thời gian phổ biến cách thức tổ chức rõ ràng, thống nhất và đồng bộ hơn.

4.3. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu việc áp dụng kỹ thuật "Các mảnh ghép" trong học phần Ngữ nghĩa học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế không chỉ khẳng định những lợi ích đã được công nhận của phương pháp này mà còn làm sáng tỏ những sắc thái riêng biệt trong bối cảnh văn hóa học thuật Việt Nam.

4.3.1. Khẳng định lợi ích cốt lõi của kỹ thuật "Các mảnh ghép"

Nghiên cứu đã ghi nhận sự đồng thuận rất cao từ sinh viên về vai trò nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc tìm hiểu nội dung bài học để thực hiện nhiệm vụ được giao và tăng cường sự tham gia của bản thân với kỹ thuật "Các mảnh ghép". Những phát hiện này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu kinh điển về học tập hợp tác. Chẳng hạn, Johnson & Johnson (2005) và Vaughan (2002) đều nhấn mạnh rằng sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực trong nhóm là yếu tố then chốt giúp sinh viên chủ động hơn trong việc học và tạo dựng mối quan hệ hợp tác. Kỹ thuật "Các mảnh ghép" vốn được thiết kế để mỗi thành viên trở thành "chuyên gia" về một phần kiến thức, sau đó có trách nhiệm truyền đạt lại cho nhóm "ghép", đã thúc đẩy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm này. Sinh viên hiểu rằng sự thành công của cả nhóm phụ thuộc vào sự chuẩn bị và khả năng chia sẻ của mỗi cá nhân. Đồng thời, quá trình trao đổi kiến thức này tự thân nó đã tạo ra một môi trường tương tác năng động, nơi sinh viên cần phải lắng nghe, giải thích và đặt câu hỏi để đảm bảo tất cả thành viên đều nắm vững nội dung. Ngoài ra, việc gia tăng sự tự tin để trình bày kiến thức cũng như hỗ trợ người học nắm bắt

bài học sâu sắc cũng là một lợi ích đáng chú ý, cho thấy kỹ thuật này vừa tác động đến khía cạnh nhận thức vừa củng cố yếu tố cảm xúc và tâm lý học tập của người học.

4.3.2. Sắc thái riêng biệt và các vấn đề cần được quan tâm trong bối cảnh giảng dạy ngôn ngữ tại Việt Nam

Mặc dù kỹ thuật “Các mảnh ghép” đã được công nhận mang lại nhiều lợi ích, nghiên cứu cũng chỉ ra những khía cạnh cần được chú ý, đặc biệt là ở các câu hỏi liên quan đến việc biết chia sẻ, giúp đỡ, hướng dẫn các thành viên và gia tăng cơ hội để sinh viên kiểm tra lẫn nhau về kiến thức (câu hỏi 3, 4) khi tỉ lệ đồng thuận ở các câu hỏi này thấp hơn các câu hỏi khác và đáng chú ý là có một số lượng đáng kể sinh viên bày tỏ sự lưỡng lự (mức 3). Kết quả phỏng vấn đã phân nào hé lộ những nguyên nhân ẩn sâu bên trong. Việc một số sinh viên có xu hướng chỉ tập trung hoàn thành phần của mình mà ít lắng nghe ý kiến người khác trong nhóm “ghép” có thể phản ánh một vấn đề còn tồn tại khá phổ biến trong quá trình làm việc nhóm như ý lại hoặc lười biếng xã hội, nơi một số thành viên ít nỗ lực hơn khi làm việc trong nhóm lớn (Karau & Williams, 1993).

Đặc biệt, yếu tố văn hóa dường như đóng một vai trò quan trọng trong việc ứng xử trong quá trình làm nhóm của sinh viên. Sinh viên Việt Nam thường ngại nhận xét góp ý trực tiếp bạn bè do họ có xu hướng tránh xung đột và duy trì hòa khí trong các nền văn hóa cộng đồng. Điều này khác với một số bối cảnh giáo dục phương Tây, nơi việc phản biện và đánh giá ngang hàng được khuyến khích mạnh mẽ hơn. Ngoài ra, việc làm nhóm còn bị chi phối bởi rào cản ngôn ngữ. Việc sinh viên chưa thực sự tự tin khi trình bày vấn đề bằng tiếng Anh, hoặc chưa đủ vốn từ vựng để hiểu đầy đủ người khác, có thể khiến họ ngần ngại tham gia vào các hoạt động kiểm tra, đánh giá lẫn nhau. Những vấn đề này cho thấy rằng việc áp dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” tại Việt Nam cần có những điều chỉnh phù hợp để vượt qua các rào cản văn hóa và năng lực ngôn ngữ, nhằm phát huy tối đa tiềm năng của kỹ thuật này trong việc thúc đẩy sự tương tác và đánh giá ngang hàng.

4.3.3. Vai trò của giảng viên và chiến lược thực hiện kỹ thuật “Các mảnh ghép” hiệu quả

Nghiên cứu cũng cung cấp góc nhìn về vai trò của giảng viên và các chiến lược triển khai kỹ thuật làm việc nhóm hiệu quả. Sinh viên ủng hộ quan điểm giảng viên nên quan sát và cung cấp phản hồi sau hoạt động, thay vì tham gia trực tiếp vào quá trình thảo luận. Điều này hoàn toàn tương thích với triết lý giáo dục hiện đại của Slavin (2011) về việc giảm thời gian giảng viên nói và tăng cường thời gian sinh viên nói, nhằm thúc đẩy sự chủ động trong học tập và tương tác giữa người học. Giảng viên được xem như người hỗ trợ đắc lực, cung cấp ý tưởng, gợi ý, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động khám phá kiến thức.

Sinh viên cũng đã đưa ra một số đề xuất trong thực tiễn tổ chức của giảng viên. Việc phân nhóm hợp lý như phân nhóm nhỏ, đánh số rõ ràng, cân nhắc năng lực ngôn ngữ tương đồng và dành thời gian phổ biến cách thức hoạt động là những yếu tố then chốt để kỹ thuật “Các mảnh ghép” thành công. Những chiến lược này không chỉ giúp quản lý lớp học hiệu quả mà còn tạo điều kiện cho sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng làm việc nhóm đồng thời xây dựng năng lực điều hành nhóm hiệu quả.

Tóm lại, nghiên cứu này hướng đến mục tiêu tìm hiểu những lợi ích mà kỹ thuật “Các mảnh ghép” mang lại cho sinh viên học Ngữ nghĩa học. Nghiên cứu còn tìm ra những sắc thái riêng trong bối cảnh học thuật và văn hóa tại Việt Nam. Việc hiểu rõ những đặc điểm riêng biệt này là vô cùng quan trọng để thiết kế và triển khai kỹ thuật “Các mảnh ghép” một cách hiệu quả, đảm bảo rằng mọi sinh viên đều có thể phát huy tối đa tiềm năng của mình.

5. Kết luận

Thông qua số liệu thu thập được, qua phân tích và bàn luận, nhóm nghiên cứu đã làm sáng tỏ ba vấn đề chính. Thứ nhất, nghiên cứu đã khẳng định những lợi ích to lớn của kỹ thuật “Các mảnh ghép” trong việc nâng cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường sự tham gia của sinh viên, sự tự tin và hiệu quả tiếp thu bài học Ngữ nghĩa học tiếng Anh. Quan trọng hơn, nó đã chỉ ra một số tồn tại như sự hạn chế trong tương tác, lưỡng lự trong việc đánh giá ngang hàng do yếu tố văn hóa và rào cản ngôn ngữ, một khía cạnh mà các nghiên cứu phương Tây ít khi đề cập. Đặc biệt, nghiên cứu cũng đã tổng hợp những đề xuất quý báu từ sinh viên về cách tổ chức lớp học hiệu quả khi áp dụng kỹ thuật này. Căn cứ vào

kết quả nghiên cứu, nhà nghiên cứu có thể xây dựng cái nhìn sâu sắc về việc ứng dụng kỹ thuật “Các mảnh ghép” vào lớp học Ngữ nghĩa học tiếng Anh, rút ra kinh nghiệm cũng như đề xuất các nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này, đặc biệt là việc tìm hiểu các giải pháp tháo gỡ rào cản văn hóa và ngôn ngữ để phát huy tối đa sự tương tác và đánh giá ngang hàng trong các nhóm “Các mảnh ghép”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aronson, E. (n.d.), *Jigsaw Classroom*. Jigsaw.org. Retrieved from <https://www.jigsaw.org/>.
2. Evcim, H., & İpek, Ö. (2013). Effects of Jigsaw II on academic achievement in English prep classes. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 70, 1651-1659. doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.01.236.
3. Hoerunnisa, N., & Suherdi, D. (2017), The Effectiveness of Jigsaw II Model in Improving Students' Understanding of Citizenship Education. In *Proceedings of the 5th SEA-DR (South East Asia Development Research) International Conference 2017 (SEADRIC 2017)* (pp. 1–8). Atlantis Press. <http://www.proquest.com/en-US/products/dissertations/individuals.shtml>.
4. Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (2005), New developments in social interdependence theory. *Genetic, Social, and General Psychology Monographs*, 131, 285–358.
5. Karau, S. J., & Williams, K. D. (1993), Social loafing: A meta-analytic review and theoretical integration. *Journal of Personality and Social Psychology*, 65(4), 681–706.
6. Lin, L. (2010), *Perspectives of teachers and students toward cooperative learning Jigsaw tasks in Taiwanese EFL Classrooms*. (Doctoral thesis). Retrieved from <http://www.proquest.com/en-US/products/dissertations/individuals.shtml>
7. Mengduo, Q., & Xiaoling, J. (2010), Jigsaw Strategy as a cooperative learning technique: Focusing on the language learners. *Chinese Journal of Applied Linguistics*, 33(4), 113-125.
8. Richards, J. C., Platt, J., & Platt, H. (1992), *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*. London: Longman.
9. Slavin, R. E. (2011), Instruction based on cooperative learning. In R. E. Mayer & P. A. Alexander (Eds.), *The nature of learning: Using research to inspire practice*. OECD Publishing.
10. Tewksbury, B. (1995), Specific Strategies for Using the Jigsaw Technique for Working in Groups in Non-Lecture-Based Courses. *Journal of Geological Education*, 43, 322-326.
11. Vaughan, W. (2002), Effects of cooperative learning on achievement and attitude among students of color. *Journal of Educational Research*, 95(6), 359–364.

The Jigsaw cooperative learning technique in semantics course:

Analysis of learner benefits and instructor strategies

Abstract: This study examines the use of Jigsaw cooperative learning technique in Semantics course at University of Foreign Languages and International Studies, Hue University, aiming to explore its learner benefits and instructor strategies. Conducted with 80 English-major students, the research utilized quantitative questionnaires and qualitative interviews. Results indicate that Jigsaw technique significantly enhances students' individual responsibility in learning, increases personal participation, and facilitating deeper learning. However, limitations were observed in sharing opinions, helping, guiding and peer-checking of knowledge, potentially due to cultural and language or social barriers within the Vietnamese EFL context. Students expressed a preference for instructors to act as facilitators, observers, and guides rather than direct participants in discussions. Practical recommendations include appropriate group formation, clear member numbering, language proficiency considering, and thorough explanation for group activities.

Key words: cooperative learning technique; Jigsaw; semantics; benefits; strategies.